TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ PHÚC YÊN** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2022/HNGT – ST
Ngày 15 tháng 9 năm 2022
"V/v ly hôn, tranh chấp về con chung khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHÚC YÊN, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Trang Nhung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đường Ngọc Đại

2. Ông Nguyễn Xuân Thịnh

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Phương Nhật Mai - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị Vân Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 97/2022/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2022 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Xuân A, sinh năm 1985 (có mặt).

Nơi cư trú: phường V, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc.

2. Bị đơn: Chị Đỗ Thị N, sinh năm 1986, (vắng mặt).

Nơi cư trú: phường V, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 10 tháng 5 năm 2022 và lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn anh Nguyễn Xuân A trình bày:

- Về tình cảm: Anh và chị Đỗ Thị N kết hôn ngày 10/01/2014 được đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Nam Viêm, thành phố Phúc Yên trên cơ sở tự

nguyện. Sau khi kết hôn chị N về làm dâu và sống chung cùng gia đình anh ở phường V, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc. Tình cảm vợ chồng chỉ hòa thuận được một thời gian đầu, được khoảng một năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do quan điểm sống và cách sống khác nhau. Vợ chồng thường xuyên to tiếng, cãi chửi nhau. Mỗi lần như vậy thì chị N lại bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở. Anh đã nói chuyện với chị N nhiều lần để cải thiện quan hệ vợ chồng nhưng chị N không thay đổi dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn. Đến năm 2020 chị N bỏ ra ngoài thuê nhà ở riêng, từ đó đến nay vợ chồng sống ly thân, không còn quan tâm và hoàn toàn bỏ mặc nhau trong cuộc sống. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng không thể hàn gắn được, vợ chồng đã sống ly thân nhau một thời gian dài nên anh xin được ly hôn với chị N để có điều kiện tạo lập cuộc sống mới.

- Về con chung: Vợ chồng anh có 02 con chung là cháu Nguyễn Thu N1, sinh ngày 12 tháng 10 năm 2014 và cháu Nguyễn Bích V, sinh ngày 28 tháng 10 năm 2018. Hiện nay cả hai cháu đang ở với anh. Ly hôn anh có nguyện vọng xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N1, anh đồng ý để chị N được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu V. Cả hai không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau.

- Về tài sản chung, tài sản riêng, khoản vay, cho vay và công sức đóng góp: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

** Bị đơn chị Đỗ Thị N vắng mặt tại phiên tòa nhưng quá trình giải quyết vụ án chị N trình bày:*

- Về tình cảm: Chị thừa nhận chị và anh A kết hôn 10/01/2014 được đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường V trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chị ở cùng gia đình anh A tại tổ dân phố Cả Đông, phường Nam Viêm. Quá trình chung sống vợ chồng không có hạnh phúc nhưng vì các con nên chị vẫn cố chịu đựng để ở cùng anh A. Khoảng năm 2020 do bị anh A đánh chửi nên chị bỏ đi. Nay anh A làm đơn xin ly hôn chị cũng xác định vợ chồng không còn tình cảm nên đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh A.

- Về con chung: Chị xác nhận vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Thu N1, sinh ngày 12/ 10/2014 và cháu Nguyễn Bích V, sinh ngày 28/ 10/ 2018. Ly hôn, chị xin được nuôi cháu V, chị đồng ý để anh A nuôi cháu N1, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau.

- Về tài sản chung, công sức đóng góp, các khoản vay và cho vay chung: Tại bản tự khai ngày 13/6/2022 và các buổi hòa giải ngày 15/6/2022, ngày 20/6/2022 chị N trình bày: Từ khi kết hôn chị và anh A ở trên đất của bố mẹ anh A. Hiện nay bố mẹ anh A đã chết, chị yêu cầu anh A cung cấp hồ sơ hợp pháp thời điểm hiện tại của thửa đất để chị làm căn cứ yêu cầu chia tài sản của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân. Chị thừa nhận từ khi về làm dâu sống chung cùng gia đình anh A, vợ chồng chị không xây dựng, tôn tạo và mua được tài sản gì. Bản thân chị sinh con, đi làm để lo cho gia đình chồng. Do vậy, nếu ly hôn chị yêu cầu anh A phải thanh toán cho chị tiền công sức của những năm chị sống cùng gia đình anh A với số tiền là 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng). Về các khoản vay và vay chung: Chị xác nhận là không có.

Tuy nhiên, tại biên bản lấy lời khai ngày 27/7/2022 chị N trình bày không đề nghị giải quyết về tài sản, công sức đóng góp, các khoản vay nợ trong vụ án này.

Tại phiên tòa: Anh Nguyễn Xuân A giữ nguyên quan điểm xin ly hôn, xin nuôi con và không yêu cầu tòa án giải quyết về tài sản.

* *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc tại phiên tòa sơ thẩm*: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Tòa án xác định đúng quan hệ pháp luật, tư cách của người tham gia tố tụng, thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và bảo đảm thời hạn chuẩn bị xét xử cũng như chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu.

* *Về giải quyết vụ án*: Đề nghị áp dụng các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/6/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

- Về hôn nhân: Cho anh Nguyễn Xuân A được ly hôn với chị Đỗ Thị N.

- Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Xuân A được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Nguyễn Thu N1, sinh ngày 12 tháng 10 năm 2014; giao cho chị Đỗ Thị N được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Nguyễn Bích V, sinh ngày 28 tháng 10 năm 2018. Anh A và chị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai

được cản trở, gây khó khăn.

- Về án phí sơ thẩm: Anh Nguyễn Xuân A phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ chị Đỗ Thị N nhưng chị N vắng mặt tại Tòa lần thứ hai không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Anh Nguyễn Xuân A khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với chị Đỗ Thị N có hộ khẩu thường trú tại: Phường V, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc. Đây là tranh chấp Hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phúc Yên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh A và chị N kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Nam Viêm, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc vào năm 2014 là phù hợp với quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Qua xác minh tại địa phương nơi anh A và chị N có hộ khẩu thường trú thể hiện: Quá trình chung sống địa phương được biết vợ chồng anh A, chị N có phát sinh mâu thuẫn và đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay. Ngoài ra, địa phương còn xác nhận vợ chồng anh A, chị N có hai con chung là cháu Nguyễn Thu N1, sinh ngày 12/10/2014 và cháu Nguyễn Bích V, sinh ngày 28/10/2018. Nay anh A làm đơn xin ly hôn chị N, chính quyền địa phương không có ý kiến gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Xét thấy, việc anh A xin ly hôn chị N vì thấy rằng quá trình chung sống vợ chồng không có hạnh phúc, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, to tiếng và cãi chửi lẫn nhau. Từ năm 2020 đến nay anh chị sống ly thân, không còn quan tâm chăm sóc nhau trong cuộc sống. Anh A làm đơn xin ly hôn chị N đồng ý. Điều đó cho thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh A và chị N đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 51 và khoản 1

Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh A với chị N.

[4] Về con chung: Vợ chồng anh A, chị N có 02 con chung là cháu Nguyễn Thu N1, sinh ngày 12/ 10/2014 và cháu Nguyễn Bích V, sinh ngày 28/ 10/2018, (Hiện nay cháu N1 và cháu V đang ở cùng anh A). Ly hôn anh A và chị N đều thống nhất để anh A được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N1; chị N đực trực triếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu V. Cả hai không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của cháu N1 là con từ đủ 07 tuổi và cháu N1 có nguyện vọng xin ở với anh A. Do vậy, cần giao cho anh A được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N1; chị N được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu V. Cả hai không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp.

[5] Về tài sản chung, tài sản riêng, khoản vay, cho vay và công sức đóng góp: Anh A và chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí sơ thẩm: Buộc anh Nguyễn Xuân A phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/6/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho anh Nguyễn Xuân A được ly hôn với chị Đỗ Thị N.

2. Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Xuân A được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Nguyễn Thu N1, sinh ngày 12 tháng 10 năm 2014; giao cho chị Đỗ Thị N được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Nguyễn Bích V, sinh ngày 28 tháng 10 năm 2018. Anh A và chị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở, gây khó khăn.

3. Về án phí sơ thẩm: Anh Nguyễn Xuân A phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu

tiền số: 0000769 ngày 19 tháng 5 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu xét xử phúc thẩm; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân thành phố Phúc Yên;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P;
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân phường V;
- Lưu HSVA; Văn phòng.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Trang Nhung